

**CHÍNH PHỦ**

Số: /NQ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-BTNMT ngày tháng năm 2021 về việc phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chủ yếu sau đây:

**I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

- Tài nguyên biển và hải đảo là nguồn lực quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

- Công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo phải được tiếp tục đẩy mạnh theo hướng có trọng tâm, trọng điểm và thứ bậc ưu tiên; tăng cường lồng ghép và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động điều tra cơ bản các loại tài nguyên biển.

- Tài nguyên biển và hải đảo phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các ngành, địa phương và các bên liên quan; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Công tác bảo vệ môi trường biển, hải đảo phải bảo đảm phù hợp với đặc thù của biển; tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, các nguồn gây ô nhiễm môi trường biển từ đất liền và trên biển.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên biển, hải đảo của các ngành, địa phương; tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo dựa trên tiếp cận hệ sinh thái.

- Nghiên cứu khoa học, công nghệ về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải được đẩy mạnh phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học 4.0, tạo bước đột phá trong việc xây dựng, hình thành cơ quan nghiên cứu về tài nguyên, môi trường biển có tầm khu vực; hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thúc đẩy theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm và tối đa sự ủng hộ của các nước, tổ chức quốc tế và đối tác.

## 2. Mục tiêu

*Mục tiêu tổng quát:* Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; kiểm soát hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường biển và thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng tránh thiên tai.

*Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:*

a) Công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo bảo đảm đáp ứng nhu cầu đề đạt được mục tiêu phát triển các ngành kinh tế biển đã xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; dữ liệu điều tra cơ bản biển và hải đảo được tích hợp đầy đủ vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Khắc phục được cơ bản các mâu thuẫn, chồng chéo và xung đột về lợi ích giữa các ngành, các cấp trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo.

c) Kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường biển, đặc biệt sự cố môi trường biển; xử lý cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường, trong đó có rác thải nhựa từ đất liền và trên biển.

d) Hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên biển và hải đảo được rà soát tổng thể, trên cơ sở đó đề xuất, sửa đổi các văn bản pháp luật có sự mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập và ban hành mới các văn bản để hoàn thiện hệ thống pháp luật; tăng cường năng lực cơ quan quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo đủ thẩm quyền để bảo đảm thực hiện việc điều phối, phối hợp các cấp, các

ngành và địa phương trong khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo.

e) Thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cơ bản được thực hiện theo hướng chủ động, có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện giữa các ngành, các cấp để nâng cao hiệu quả về nguồn lực và góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Tài nguyên biển và hải đảo của nước ta được quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả, bền vững; môi trường trên các vùng ven biển, biển và hải đảo được kiểm soát chặt chẽ, có hệ thống; các hệ sinh thái trên các vùng ven biển, biển và hải đảo được bảo vệ, bảo tồn toàn vẹn.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA CHIẾN LƯỢC**

### **1. Điều tra cơ bản biển và hải đảo**

a) Các đề án, dự án trong Chương trình trọng điểm về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (7) các chương trình, dự án trọng điểm thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Quốc hội và Chính phủ; (8) Phát triển kinh tế đảo tại các đảo và huyện đảo.

b) Tiếp tục triển khai và hoàn thành điều tra cơ bản về tài nguyên biển và hải đảo trong phạm vi vùng biển thuộc vịnh Bắc bộ và vùng lãnh hải 12 hải lý của Việt Nam.

c) Đánh giá hiện trạng và đề xuất đổi mới hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học 4.0; hình thành và phát triển đội tàu phục vụ nghiên cứu, điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

d) Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương để tích hợp vào Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

e) Điều tra, lập hồ sơ phân loại hải đảo kết hợp với xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và các giá trị tự nhiên, văn hoá lịch sử trên các đảo, hải đảo và quần đảo của Việt Nam.

### **2. Quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo**

a) Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương để xác định những tồn tại, bất cập làm cơ sở phục vụ cho công tác lập quy hoạch không gian biển quốc gia,

quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Tổ chức thực hiện lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

c) Tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh và liên tỉnh; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

d) Rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật về tài nguyên biển và đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi bổ sung nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo.

đ) Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất cơ quan có đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

e) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin cơ sở, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin, dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương để tích hợp vào Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

### **3. Bảo vệ môi trường biển, hải đảo**

a) Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin, dữ liệu về môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương để tích hợp vào Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Điều tra, khảo sát, kiểm kê, phân loại nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm môi trường trên các vùng ven biển, biển và hải đảo; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải phục vụ công tác giám sát, kiểm soát nguồn thải.

c) Hiện thực hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ). Đến năm 2030, 100% các huyện đảo không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

d) Nghiên cứu, đề xuất hệ thống kiểm soát, cơ chế kiểm soát, cơ chế phối hợp trong kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo phù hợp với đặc thù của biển.

đ) Bảo vệ, duy trì hệ thống các khu bảo tồn hiện có; điều tra, khảo sát, đánh giá đề xuất thành lập các khu bảo tồn mới trên các vùng ven biển, biển và hải đảo.

e) Điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

#### **4. Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế**

a) Thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS vào công tác điều tra, quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; biến động đường bờ; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo trên các vùng biển của Việt Nam.

c) Nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến, hiệu quả và tiết kiệm trong các hoạt động nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

d) Thúc đẩy, củng cố các hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; kiểm soát các nguồn ô nhiễm xuyên biên giới; ứng phó sự cố tràn dầu, tràn hoá chất và các sự cố môi trường khác trên các vùng biển của Việt Nam; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong việc tái chế, tái sử dụng các rác thải nhựa.

đ) Các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ trong chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) các chương trình, dự án trọng điểm thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Quốc hội và Chính phủ; (7) Phát triển kinh tế đảo tại các đảo và huyện đảo.

e) Đánh giá thực trạng nghiên cứu khoa học và công nghệ về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương và đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

### **III. GIẢI PHÁP TỔNG THỂ**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện Chiến lược; nâng cao hiệu quả, đa dạng hoá các hình thức, nội dung tuyên truyền về tài nguyên, môi trường biển và đảo, Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong toàn hệ thống

chính trị, nhân dân. Phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân giám sát và phản biện xã hội việc thực hiện Chiến lược.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho triển khai Chiến lược; tích cực tham gia và chủ động thúc đẩy hình thành cơ chế toàn cầu và khu vực liên quan đến tài nguyên biển và hải đảo.

Kiến toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển từ trung ương đến địa phương bảo đảm hiện đại, đồng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, giữa trung ương với địa phương về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và đảo; hình thành cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược; tăng cường năng lực cho Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quản lý nhà nước tổng hợp về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Thực hiện bố trí dân cư trên các đảo gắn với chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất theo hướng thân thiện với biển và môi trường biển. Khẩn trương xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước tài nguyên biển và hải đảo.

Xây dựng và hoàn chỉnh Hệ thống trung tâm về quản lý tổng hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, bảo đảm các cấp, các ngành có liên quan có thể truy cập trực tuyến để cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ hệ thống. Hệ thống quản lý thông tin, dữ liệu của các bộ, ngành liên quan và các địa phương có biển được tích hợp với nhau và kết nối với Hệ thống trung tâm về quản lý tổng hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học 4.0, nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các nghiên cứu khoa học, công nghệ về biển, tài nguyên, môi trường biển, đặc biệt trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò tài nguyên, khoáng sản biển trên các vùng biển sâu, xa bờ, vùng biển quốc tế.

4. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất

cả các bậc học, cấp học. Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường; có cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế, có chuyên môn sâu về biển và đại dương.

Có cơ chế hỗ trợ, nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nguồn nhân lực biển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

5. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá; chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển; chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển.

Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên và môi trường biển; thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia; nghiên cứu tham gia các điều ước quốc tế quan trọng về biển, trước mắt ưu tiên các lĩnh vực về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển, phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn kinh tế biển mạnh

Đẩy mạnh thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển. Chủ động thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ nguồn, trình độ quản lý tiên tiến từ các nước phát triển. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tập đoàn kinh tế biển mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trên biển, đặc biệt là ở các vùng biển xa bờ.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

##### **1. Cơ chế điều phối liên ngành và liên địa phương**

Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được thành lập theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính

phủ là cơ quan điều phối liên ngành và liên địa phương cho việc thực hiện Chiến lược.

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Ủy ban, chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ủy ban, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thường trực của Ủy ban có Văn phòng giúp việc đặt tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Kinh phí hoạt động của Ủy ban do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược

### a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp rà soát, đánh giá thực trạng đề đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên biển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên liên tỉnh; tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ theo sự phân công trong chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, huy động các nguồn vốn, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện Chiến lược.

- Đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật liên quan.

c) Các Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp triển



khai thực hiện theo định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý, bảo đảm Chiến lược được triển khai thực hiện hiệu quả.

#### 4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên

a) Căn cứ Chiến lược, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên cấp tỉnh; tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trong chiến lược trong phạm vi quyền hạn của địa phương địa phương.

c) Tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN  
CHO GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

*(kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Chương trình, đề án</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp chính</b>
1	Đề án “Đổi mới hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học 4.0”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ KH&CN; Bộ TT&TT
2	Chương trình “Điều tra tổng thể và lập hồ sơ phân loại đảo kết hợp với xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TT&TT; UBND 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.
4	Xây dựng và triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ liên tỉnh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển
5	Đề án “Điều tra, kiểm kê và phân loại nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm biển và hải đảo; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm biển và hải đảo”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TT&TT; Bộ KH&CN.
6	Đề án “Đánh giá thực trạng nghiên cứu khoa học và công nghệ về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0”	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông
7	Đề án “Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo”	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài nguyên và Môi trường